

# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VƯỜN THUỐC NAM MẪU TẠI CÁC TRẠM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ VINH NĂM 2023

Nguyễn Xuân Khoa, Đặng Thị Vân Anh, Trần Thị Oanh, Hồ Thị Dung, Đinh Thị Hào

*Trường Đại học Y khoa Vinh*

Nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng và đánh giá tình hình sử dụng vườn thuốc nam mẫu tại các trạm y tế trên địa bàn thành phố Vinh năm 2023. Nghiên cứu được thực hiện tại 23 trạm y tế trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Kết quả cho thấy: nhân sự quản lý vườn thuốc có độ tuổi trung bình  $44,65 \pm 7,25$  tuổi; giới tính nữ chiếm 82,6%; thời gian quản lý vườn thuốc trung bình  $11,35 \pm 5,82$  năm; nhân sự gồm: y sĩ (47,8%), bác sĩ (21,7%), dược sĩ (21,7%); về chuyên môn: y học cổ truyền chiếm 26,1%, còn lại 73,9% là chuyên môn khác; đội ngũ nhân sự chủ yếu chưa được tập huấn (52,2%); 91,3% trạm xây dựng vườn thuốc; số cây thuốc trong vườn trung bình  $31,26 \pm 10,03$  cây; 100% trạm y tế sử dụng cây thuốc nam trong chữa bệnh; 91,3% trạm y tế hướng dẫn người dân tham quan, nhận thức các cây thuốc; 78,3% trạm y tế có tổ chức vận động, hướng dẫn người dân trồng và sử dụng thuốc nam tại nhà. Kết luận: Thực trạng các vườn thuốc nam được sử dụng tốt, các trạm y tế đều có sử dụng thuốc nam trong điều trị các bệnh thông thường.

**Từ khóa:** Vườn thuốc nam mẫu, cây thuốc nam, vườn thuốc nam ở trạm y tế.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc sử dụng cây thuốc đã được thực hiện từ thời cổ đại và được coi là nguồn gốc của y học hiện đại [1]. Thực vật là một trong những nguồn nguyên liệu làm thuốc điều trị và dự phòng [2]. Ở Việt Nam, các cây thuốc đã được sử dụng từ hàng nghìn năm qua và thường được nhân dân ta gọi là “thuốc nam”. Thuốc nam không chỉ được sử dụng với mục đích chữa bệnh mà còn được dùng làm gia vị, có khi làm rau ăn hằng ngày...

Nhằm tập trung phát triển chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế Thế giới [3], cũng như giúp người dân hiểu biết và sử dụng các cây thuốc khi cần; Bộ Y tế đã chỉ đạo các trạm y tế xã trồng và xây dựng vườn thuốc nam mẫu theo Quyết định số 4664/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 [4].

Ngày 14/02/2015, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 647/QĐ-BYT quy định Tiêu chí xác định xã tiên tiến về y dược cổ truyền, tạo điều kiện cho việc kết hợp giữa y học cổ truyền với y học hiện đại; giúp đạt hiệu quả cao hơn trong việc điều trị bệnh và tiết kiệm chi phí cho người dân.

Theo đó, vườn thuốc nam mẫu trở thành tiêu chí đánh giá xã tiên tiến về y dược cổ truyền thông qua hình thức chấm điểm [5].

Theo nghiên cứu của Đoàn Vũ Bảo và cộng sự về vườn thuốc nam mẫu (2018) tại thành phố Thủ Dầu Một (tỉnh Bình Dương) cho thấy tất cả 14 trạm y tế trên địa bàn thành phố đều có xây dựng vườn thuốc nam mẫu, tuy nhiên hầu hết vẫn còn nhiều hạn chế trong công tác y dược cổ truyền [6].

Tại thành phố Vinh, nơi được coi là trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh Nghệ An. Cùng với mục tiêu phấn đấu được công nhận xã tiên tiến về y học cổ truyền; đồng thời khuyến khích người dân sử dụng thuốc nam trong chữa bệnh, góp phần đảm bảo sức khỏe cộng đồng [7]; Trung tâm y tế thành phố Vinh bao gồm 25 Trạm y tế xã, phường đã xây dựng và phát triển vườn thuốc nam mẫu. Nhằm đánh giá thực trạng của vườn thuốc nam mẫu tại các trạm y tế trên địa bàn thành phố Vinh, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Đánh giá thực trạng vườn thuốc nam mẫu tại các trạm y tế trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2023”.

Tác giả chính: Nguyễn Xuân Khoa  
Email: xuankhoa@vnu.edu.vn

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

Vườn thuốc nam mẫu tại 23 trạm y tế trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

*Tiêu chuẩn lựa chọn:* Trạm y tế có vườn thuốc nam mẫu hoặc có chậu trồng cây thuốc mẫu, trạm có nhân sự quản lý vườn thuốc.

*Tiêu chuẩn loại trừ:* Nhân sự quản lý vườn thuốc không đồng ý tham gia nghiên cứu.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp nghiên cứu:* Mô tả cắt ngang.

*Cỡ mẫu:* 23 mẫu, bao gồm vườn thuốc nam mẫu tại các trạm y tế xã, phường trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

*Quy trình nghiên cứu:* Tiến hành điều tra phỏng vấn nhân sự quản lý vườn thuốc và khảo sát đặc điểm của các cây thuốc tại các trạm y tế trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo các bước sau [6]:

Bước 1: Phỏng vấn nhân sự quản lý vườn thuốc mẫu bằng bộ câu hỏi có sẵn.

Bước 2: Khảo sát đặc điểm của các nhóm cây trong vườn thuốc mẫu bằng bộ câu hỏi có sẵn.

Bước 3: Tổng hợp, kiểm tra phiếu phỏng vấn và phiếu tự khảo sát, xử lý và phân tích số liệu.

*Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:* Tất cả số liệu thu thập được nhập bằng phần mềm Microsoft Excel, xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Các tiêu chí đánh giá sẽ được mô tả qua tần số, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình.

*Thời gian:* Từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 05 năm 2023.

*Địa điểm:* 23 trạm y tế trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

### 3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện sau khi được sự đồng ý của hội đồng đạo đức nhà trường. Việc thu thập dữ liệu, xử lý số liệu, báo cáo kết quả đảm bảo trung thực, không gian lận trong nghiên cứu.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thông tin chung về nhân sự quản lý vườn thuốc

| Nội dung                     |            | n            | %    |
|------------------------------|------------|--------------|------|
| Tuổi                         | ≤ 40 tuổi  | 10           | 43,5 |
|                              | > 40 tuổi  | 13           | 56,5 |
|                              | Trung bình | 44,65 ± 7,25 |      |
| Giới tính                    | Nam        | 4            | 17,4 |
|                              | Nữ         | 19           | 82,6 |
| Thời gian quản lý vườn thuốc | ≤ 10 năm   | 10           | 43,5 |
|                              | > 10 năm   | 13           | 56,5 |
|                              | Trung bình | 11,35 ± 5,82 |      |

Nhân sự quản lý vườn thuốc tương đối lớn tuổi, trung bình là 44,65±7,25 tuổi, nhóm tuổi > 40 chiếm 56,5%. Giới tính nữ (82,6%) cao hơn nhiều so với nam (17,4%). Thời gian quản lý vườn thuốc trung bình là 11,35±5,82 năm, trong đó nhóm có thời gian quản lý > 10 năm chiếm 56,5%, còn lại 43,5% là nhóm quản lý ≤ 10 năm.

Bảng 2. Trình độ chuyên môn của nhân sự quản lý

| Nội dung |              | n  | %    |
|----------|--------------|----|------|
| Trình độ | Bác sĩ       | 5  | 21,7 |
|          | Điều dưỡng   | 1  | 4,3  |
|          | Dược sĩ      | 5  | 21,7 |
|          | Y sĩ đa khoa | 11 | 47,8 |
|          | Khác         | 1  | 4,3  |

| Nội dung                                                                   |                    | n  | %    |
|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|----|------|
| Chuyên môn                                                                 | Y học cổ truyền    | 6  | 26,1 |
|                                                                            | Khác               | 17 | 73,9 |
| Số lần được tập huấn kiến thức về trồng, chăm sóc và sử dụng các cây thuốc | Chưa được tập huấn | 12 | 52,2 |
|                                                                            | 1 lần              | 4  | 17,4 |
|                                                                            | 2-3 lần            | 5  | 21,7 |
|                                                                            | Nhiều lần          | 2  | 8,7  |

Trình độ của nhân sự quản lý chiếm tỷ lệ cao nhất là y sĩ (47,8%), bác sĩ và dược sĩ tương đương nhau (21,7%). Về chuyên môn, y học cổ truyền chỉ chiếm 26,1%, còn lại 73,9% thuộc chuyên môn khác. Số lần được tập huấn kiến thức trồng, chăm sóc và sử dụng các cây thuốc, phần lớn chưa được tập huấn (52,2%), nhóm được tập huấn 2-3 lần, 1 lần và nhiều lần có tỷ lệ ít hơn lần lượt là 21,7%, 17,4%, 8,7%.

*Bảng 3. Đặc điểm chung của vườn thuốc nam mẫu*

| Nội dung                                                        |                                   | n               | %    |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|------|
| Hình thức trồng cây thuốc nam mẫu                               | Có vườn thuốc nam mẫu             | 21              | 91,3 |
|                                                                 | Có chậu trồng cây thuốc nam mẫu   | 2               | 8,7  |
|                                                                 | Có bộ tranh mẫu                   | 5               | 21,7 |
| Diện tích (m <sup>2</sup> )                                     | ≤ 100 m <sup>2</sup>              | 14              | 60,9 |
|                                                                 | > 100 m <sup>2</sup>              | 9               | 39,1 |
|                                                                 | Trung bình                        | 140,91 ± 144,85 |      |
| Tỷ lệ cây thuốc trong vườn so với Danh mục quy định của Bộ Y tế | Từ 80% cây trở lên (≥56 cây)      | 0               | 0    |
|                                                                 | Từ 60% đến dưới 80% (42 - 55 cây) | 5               | 21,7 |
|                                                                 | Dưới 60% ( < 42 cây)              | 18              | 78,3 |
|                                                                 | Trung bình                        | 31,26 ± 10,03   |      |

Hình thức trồng cây thuốc nam mẫu chủ yếu là vườn thuốc nam (91,3%), số trạm trồng trong chậu chiếm 8,7 % và có 21,7% trạm y tế có bộ tranh mẫu. Diện tích của các vườn thuốc khá lớn, trung bình 140,91±144,85m<sup>2</sup>. Tỷ lệ cây thuốc trong vườn khá thấp so với yêu cầu 70 cây thuốc, trung bình là 31,26±10,03 cây, có 78,3% trạm có dưới 60% cây và 21,7% trạm có từ 60% đến dưới 80% cây.

*Bảng 4. Tình hình sử dụng cây thuốc trong chữa bệnh*

| Nội dung                                                                |                      | n  | %    |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|----|------|
| Có sử dụng cây thuốc nam trong chữa bệnh                                |                      | 23 | 100  |
| Nhóm thuốc sử dụng                                                      | Cảm sốt              | 21 | 91,3 |
|                                                                         | Đau nhức xương, khớp | 23 | 100  |
|                                                                         | Mụn nhọt, mẫn ngứa   | 20 | 87   |
|                                                                         | Ho                   | 23 | 100  |
|                                                                         | Rối loạn tiêu hóa    | 21 | 91,3 |
|                                                                         | Bệnh gan             | 14 | 60,9 |
|                                                                         | Rối loạn kinh nguyệt | 19 | 82,6 |
|                                                                         | Lợi tiểu             | 21 | 91,3 |
| Người dân đến để hỏi các cây thuốc trong vườn thuốc nam mẫu             |                      | 23 | 100  |
| Hướng dẫn người dân tham quan, nhận thức các cây thuốc trong vườn thuốc |                      | 21 | 91,3 |

|                                                                               | Nội dung                     | n  | %    |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----|------|
| Tổ chức vận động, hướng dẫn người dân trồng và sử dụng thuốc nam tại gia đình | Chưa lần nào                 | 1  | 4,3  |
|                                                                               | 1 lần/năm                    | 4  | 17,4 |
|                                                                               | 2 lần/năm                    | 0  | 0    |
|                                                                               | >3 lần/năm                   | 0  | 0    |
|                                                                               | Bất kỳ khi nào người dân cần | 18 | 78,3 |

Tất cả các trạm y tế đều sử dụng cây thuốc nam trong chữa các bệnh thông thường. Trong đó, 100% có sử dụng nhóm thuốc xương, khớp và ho; tiếp theo là nhóm thuốc cảm sốt, rối loạn tiêu hóa và lợi tiểu (91,3%), thấp nhất là nhóm thuốc chữa bệnh gan với tỷ lệ 60,9%. 100% trạm y tế có người dân đến hỏi các cây thuốc trong vườn thuốc nam mẫu. Với 91,3% trạm y tế hướng dẫn người dân tham quan, nhận thức các cây thuốc trong vườn. Về tổ chức vận động, hướng dẫn người dân trồng và sử dụng thuốc nam tại gia đình, có tới 78,3% trạm thực hiện vận động, hướng dẫn bất kỳ khi nào người dân cần.

#### IV. BÀN LUẬN

##### 1. Thực trạng vườn thuốc nam mẫu

###### *Thông tin về nhân sự quản lý vườn thuốc*

Trong nghiên cứu, nhân sự quản lý vườn thuốc tương đối lớn tuổi, trung bình  $44,65 \pm 7,25$  tuổi, nhóm tuổi  $>40$  chiếm 56,5%, nhóm  $\leq 40$  tuổi chiếm 43,5%. Đây là một lợi thế trong việc quản lý, chăm sóc và thu hoạch các loại cây thuốc, vì họ có nhiều kiến thức và kinh nghiệm.

Về giới tính, có 82,6% nữ, điều này phù hợp với tính chất công việc. Nữ giới có đức tính chịu khó, cần cù, chăm chỉ, có khả năng chăm sóc và quản lý vườn thuốc tốt hơn nam giới.

Thời gian quản lý vườn thuốc trong nghiên cứu dao động từ 2 năm đến 28 năm, trung bình là 11,4 năm. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Đoàn Vũ Bảo và cộng sự về vườn thuốc nam mẫu (2018) tại thành phố Thủ Dầu Một (tỉnh Bình Dương) [5] có kết quả dao động từ 5 tháng đến 12 năm, trung bình là 5 năm. Điều này có thể giải thích do nhân sự quản lý vườn thuốc khá lớn

tuổi, nhiều người đã tham gia quản lý vườn thuốc từ những ngày đầu xây dựng vườn.

Trình độ bao gồm 11 y sĩ, 5 bác sĩ, 5 dược sĩ, 1 điều dưỡng và 1 chuyên ngành khác là nữ hộ sinh; với 6 cán bộ có chuyên môn về y học cổ truyền (26,1%). Chúng tôi có kết quả thấp hơn nghiên cứu của Đoàn Vũ Bảo [5] là bao gồm 5 bác sĩ và 9 y sĩ, trong đó có 7 cán bộ có chuyên môn về y học cổ truyền (chiếm tỷ lệ 50%).

Đa số cán bộ quản lý vườn thuốc chưa được tập huấn kiến thức về trồng, chăm sóc và sử dụng các cây thuốc (52,2%), số cán bộ được tập huấn 2-3 lần, 1 lần và nhiều lần có tỷ lệ lần lượt là 21,7%; 17,4%; 8,7%. Kết quả này cho thấy việc quản lý vườn thuốc chủ yếu là trồng, chăm sóc, quản lý dựa vào kinh nghiệm cá nhân và tự học hỏi.

###### *Đặc điểm chung của vườn thuốc nam mẫu*

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ trạm có vườn thuốc nam mẫu chiếm tới 91,3%. Kết quả này cao hơn nhiều so với nghiên cứu của Đoàn Vũ Bảo [5] có tỷ lệ vườn thuốc nam mẫu chỉ chiếm 36%.

Diện tích trung bình là  $140,91 \pm 144,85 \text{ m}^2$ , lớn hơn nhiều so với nghiên cứu của Đoàn Vũ Bảo [5] ( $37,5 \text{ m}^2$ ). Do các trạm y tế ở thành phố Vinh có khuôn viên khá rộng nên nhiều trạm có thể mở rộng thêm diện tích vườn thuốc nam mẫu.

###### *Thực trạng loài cây thuốc trong vườn thuốc*

Tỷ lệ cây thuốc trong vườn khá thấp so với danh mục quy định của Bộ Y tế: số cây thuốc trung bình là  $31,26 \pm 10,03$  cây, ít hơn so với kết quả nghiên cứu của Đoàn Vũ Bảo [5] (trung bình là 45 cây). Thực tế, các cây thuốc được trồng trong vườn rất nhiều cả về loài lẫn số lượng; tuy

nhiên, tại thời điểm khảo sát có nhiều cây bị chết. Do thời gian khảo sát tương đối ngắn, chỉ trong 3 tháng (từ tháng 2 đến tháng 4), lại vào thời điểm đầu mùa xuân, nên các cây thuốc sống hàng năm hoặc sống theo mùa đa số bị chết, chưa được trồng và bổ sung kịp thời.

Có đến 91,3% trạm có phong trào sưu tầm, bổ sung cây thuốc hàng năm; kết quả này tương đồng với tỷ lệ 93% trong nghiên cứu của Đoàn Vũ Bảo [5]. Chứng tỏ các trạm y tế luôn chú ý đến vai trò, ý nghĩa của vườn cây thuốc nam trong việc điều trị bệnh thông thường ở người dân, đồng thời luôn ý thức việc xây dựng trạm y tế đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

## 2. Tình hình sử dụng vườn thuốc nam mẫu

100% trạm y tế sử dụng cây thuốc nam trong chữa bệnh, tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Đoàn Vũ Bảo [5], khi tỷ lệ chỉ có 71%. Trong đó, cao nhất là nhóm thuốc đau xương khớp và ho (100%), tiếp theo là nhóm thuốc cảm sốt, rối loạn tiêu hóa và lợi tiểu (91,3%), nhóm thuốc mụn nhọt mẩn ngứa và rối loạn kinh nguyệt có tỷ lệ lần lượt là 87% và 82,6%, thấp nhất là nhóm thuốc chữa bệnh gan và nhóm thuốc khác (60,9% và 52,2%). Ho, cảm sốt, rối loạn tiêu hóa là những bệnh thường gặp, được người dân sử dụng thuốc nam điều trị tại nhà trong những trường hợp bệnh nhẹ và mới khởi phát, tỷ lệ khỏi bệnh lớn. Đối với bệnh đau nhức xương khớp, chủ yếu là bệnh mãn tính ở người lớn tuổi. Ngoài sử dụng thuốc tân dược, họ muốn tìm đến các thuốc đông y từ cây cỏ để giảm đau, giúp dễ chịu trong những đợt đau cấp. Một phần do tiết kiệm chi phí và tăng cường chăm sóc sức khỏe tự nhiên nên tỷ lệ sử dụng cây thuốc của các nhóm này rất cao.

Với điểm tối đa có thể đạt được là 10 điểm (3 điểm vườn thuốc nam mẫu, 3 điểm tỷ lệ cây thuốc trong vườn, 4 điểm có sử dụng thuốc nam trong công tác khám chữa bệnh), điểm của các trạm y tế đạt được khá cao. Cụ thể, có 69,6%

trạm y tế đạt 8 điểm, số trạm đạt 9 điểm và 7 điểm có tỷ lệ thấp hơn, lần lượt là 21,7% và 8,7%. Đạt được kết quả đó do phần lớn các trạm y tế đều có vườn thuốc nam mẫu và có sử dụng thuốc nam trong công tác khám chữa bệnh.

## V. KẾT LUẬN

Nhân sự quản lý vườn thuốc có độ tuổi trung bình  $44,65 \pm 7,25$  tuổi, nhóm tuổi  $> 40$  chiếm 56,5%. Nữ (82,6%) cao hơn nhiều so với nam (17,4%).

Thời gian quản lý vườn thuốc trung bình là  $11,35 \pm 5,82$  năm. Nhân sự quản lý chiếm tỷ lệ cao nhất là y sĩ (47,8%), bác sĩ và dược sĩ tương đương nhau (21,7%). Về chuyên môn, y học cổ truyền chỉ chiếm 26,1%, còn lại 73,9% thuộc chuyên môn khác và chủ yếu chưa được tập huấn chiếm 52,2%.

Các trạm chủ yếu xây dựng vườn thuốc nam, đạt 91,3%; số trạm trồng trong chậu chỉ chiếm 8,7 %. Diện tích các vườn thuốc trung bình là  $140,91 \pm 144,85 \text{ m}^2$ . Tỷ lệ cây thuốc trong vườn so với Danh mục quy định của Bộ Y tế trung bình là  $31,26 \pm 10,03$  cây.

100% trạm y tế có sử dụng cây thuốc nam trong chữa bệnh, gồm các nhóm thuốc sau: đau nhức xương khớp và ho (100%); cảm sốt, rối loạn tiêu hóa và lợi tiểu (91,3%); mụn nhọt mẩn ngứa, rối loạn kinh nguyệt, bệnh gan và nhóm thuốc khác có tỷ lệ lần lượt là 87%, 82,6%, 60,9% và 52,2%.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Salmerón-Manzano E, Garrido-Cardenas JA, Manzano-Agugliaro F. Worldwide Research Trends on Medicinal Plants. International journal of environmental research and public health. May 12 2020;17(10)doi:10.3390/ijerph17103376
2. Petrovska BB. Historical review of medicinal plants' usage. Pharmacognosy reviews. Jan 2012;6(11):1-5. doi:10.4103/0973-7847.95849
3. Organization, World Health (2013), "Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế Thế giới: 2014-

- 2023 [WHO traditional medicine strategy: 2014-2023]", tr. 11.
4. Bộ Y tế. Quyết định số 4664/QĐ-BYT Ngày 07/11/2014, Về việc ban hành bộ tranh cây thuốc mẫu xây dựng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Hà Nội 2014.
  5. Bộ Y tế. Quyết định số 647/QĐ-BYT Ngày 14/01/2015, Ban hành tiêu chí xác định xã tiên tiến về y dược học cổ truyền. Hà Nội 2015.
  6. Đoàn Vũ Bảo, Cù Thanh Tuyền, Hoàng Thy Nhac Vũ. Khảo sát thực trạng vườn thuốc nam mẫu của các trạm y tế phường tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh. 2018, 272-277.
  7. Bộ Y tế (2013), Ban hành Danh mục thuốc thiết yếu thuốc đông y và thuốc từ dược liệu lần VI, chủ biên, Hà Nội, tr. 83-85.

## SUMMARY

### ASSESSMENT OF THE SITUATION OF THE MODEL HERBAL GARDENS AT HEALTH STATIONS IN VINH CITY IN 2023

The study aims to investigate the current status and evaluate the use of model medicinal herb gardens at health stations in Vinh city in 2023. The study was conducted on 23 health stations in Vinh city, Nghe An province. The results show that the average age of the medicinal herb garden managers is  $44.65 \pm 7.25$  years. Female gender 82.6%. Average time managing medicinal herb gardens is  $11.35 \pm 5.82$  years. The staff are physicians 47.8%, doctors 21.7%, pharmacists 21.7%. In terms of expertise, traditional medicine 26.1%, the remaining 73.9% are other specialties, mostly untrained 52.2%. The stations built medicinal herb gardens 91.3%. The average number of medicinal plants in the garden is  $31.26 \pm 10.03$  plants. 100% of health stations use medicinal herbs in treatment; 91.3% of health stations guide people to visit and learn about medicinal plants. 78.3% of health stations organize campaigns and guide people to grow and use traditional medicine at home. Traditional medicine gardens are being used well, and all health stations use traditional medicine to treat common diseases.

**Keywords:** Model herbal garden, medicinal plants, herbal garden at health station.